

Số: *H9* /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày *06* tháng 01 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2017

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 2017/STP-KSTTHC ngày 27/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2017 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- TT.Tỉnh uỷ; TT. HĐND tỉnh;
- TT.UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo;
- Cổng Thông tin ĐT tỉnh;
- Lưu: VT, DL, LT;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
K CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Duy Bắc

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
RÀ SOÁT, ĐƠN GIẢN HÓA NĂM 2017**

| STT | Cơ quan thực hiện/Tên thủ tục hành chính |
|------------|--|
| I | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 1 | Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm |
| 2 | Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm |
| 3 | Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm |
| 4 | Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm |
| 5 | Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt dưới 2m ³ /giờ (đối với sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản), dưới 2.000kw (đối với phát điện), dưới 50.000m ³ /ngày đêm (đối với mục đích khác), khai thác sử dụng nước biển dưới 100.000m ³ /ngày đêm |
| 6 | Gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt dưới 2m ³ /giờ (đối với sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản), dưới 2.000kw (đối với phát điện), dưới 50.000m ³ /ngày đêm (đối với mục đích khác), khai thác nước biển dưới 100.000m ³ /ngày đêm |
| 7 | Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước dưới 30.000m ³ /ngày đêm (đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản dưới 3.000m ³ /ngày đêm); dưới 3.000m ³ /ngày đêm (đối với hoạt động khác) |
| 8 | Gia hạn, điều chỉnh giấy phép xả nước thải vào nguồn nước dưới 30.000m ³ /ngày đêm (đối với nuôi trồng thủy sản); dưới 3.000m ³ /ngày đêm (đối với hoạt động khác) |
| II | Sở Công thương |
| 1 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai |
| 2 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải |
| 3 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG |
| 4 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải |
| 5 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG |
| 6 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải |
| 7 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG |
| 8 | Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương |

| | |
|------------|--|
| 9 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương |
| 10 | Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương |
| 11 | Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu |
| 12 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu |
| 13 | Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu |
| 14 | Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu |
| 15 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu |
| 16 | Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu |
| 17 | Cấp bản xác nhận nhu cầu nhập khẩu thép |
| III | Sở Giao thông vận tải |
| 1 | Lĩnh vực đường thủy nội địa |
| 2 | Lĩnh vực vận tải đường bộ |
| 3 | Lĩnh vực đào tạo, sát hạch, cấp phép lái xe |
| IV | Sở Tư pháp |
| 1 | Lĩnh vực đăng ký hộ tịch |
| 2 | Lĩnh vực đăng ký nuôi con nuôi |
| 3 | Thủ tục hành chính cấp phiếu lý lịch tư pháp |
| 4 | Lĩnh vực quốc tịch |
| 5 | Bồi thường nhà nước |
| 6 | Lĩnh vực chứng thực |
| V | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 1 | Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản |
| 2 | Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản đối với trường hợp giấy chứng nhận hết hạn |
| 3 | Cấp phép cho các hoạt động giao thông vận tải của xe cơ giới trong phạm vi bảo vệ công trình |
| 4 | Cấp giấy phép cho hoạt động nổ mìn và các hoạt động nổ không gây tác hại khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi |
| 5 | Cấp giấy phép cho việc khai thác các hoạt động du lịch, thể thao có mục đích kinh doanh; hoạt động nghiên cứu khoa học làm ảnh hưởng đến vận hành, an toàn công trình và các hoạt động kinh doanh dịch vụ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi |
| 6 | Cấp giấy phép cho hoạt động trồng cây lâu năm thuộc loại rễ ăn sâu trên 01 mét |

| | |
|-------------|--|
| | trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi |
| 7 | Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi được quy định tại khoản 1,2,6,7,8,10 Điều 1 Quyết định số 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004. |
| 8 | Cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi |
| 9 | Điều chỉnh, gia hạn nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi |
| 10 | Điều chỉnh, gia hạn nội dung giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi |
| 11 | Cấp và gia hạn chứng chỉ hành nghề kinh doanh thuốc thú y thủy sản và xét nghiệm bệnh thủy sản |
| 12 | Cấp lại chứng chỉ hành nghề kinh doanh thuốc thú y thủy sản và xét nghiệm bệnh thủy sản |
| 13 | Cấp và gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y thủy sản cho cơ sở sản xuất kinh doanh giống thủy sản và nuôi trồng thủy sản |
| 14 | Cấp và gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc thú y thủy sản |
| VI | Sở Văn hóa và Thể thao |
| 1 | Tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật |
| 2 | Tiếp nhận thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng rôn |
| VII | Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong |
| 1 | Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh |
| 2 | Quyết định chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền UBND tỉnh đối với dự án không thuộc diện cấp giấy chứng nhận đầu tư |
| VIII | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 1 | Lĩnh vực an toàn bức xạ hạt nhân |
| 2 | Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ |
| IX | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| 1 | Thành lập trường trung cấp chuyên nghiệp |
| 2 | Sáp nhập, chia tách trường trung cấp chuyên nghiệp |
| 3 | Thành lập trường trung học phổ thông chuyên |
| 4 | Thành lập, cho phép thành lập trường trung học phổ thông |
| 5 | Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông |
| | TTHC cấp huyện |
| 1 | Thành lập, cho phép thành lập trường tiểu học |
| 2 | Sáp nhập, chia tách trường tiểu học |
| 3 | Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia |
| 4 | Thành lập, cho phép thành lập trường trung học cơ sở |
| 5 | Sáp nhập, chia tách trường trung học cơ sở |
| 6 | Công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu |
| X | Sở Thông tin và Truyền thông |
| 1 | Cấp giấy phép chế biến bản in gia công sau in cho nước ngoài |

| | |
|-------------|--|
| 2 | Cấp phép xuất bản tài liệu không kinh doanh |
| XI | Sở Y tế |
| 1 | Lĩnh vực dược |
| 2 | Lĩnh vực y |
| XII | Sở Xây dựng |
| 1 | Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch |
| 2 | Thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng |
| 3 | Cấp giấy phép xây dựng công trình không theo tuyến |
| 4 | Cấp giấy phép xây dựng công trình theo tuyến trong đô thị |
| 5 | Cấp giấy phép xây dựng cho dự án |
| 6 | Lấy ý kiến về thiết kế cơ sở đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình (dự án nhóm B, C) trong phạm vi đô thị do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt |
| 7 | Lấy ý kiến của một số cơ quan liên quan khi thực hiện quy trình thẩm định, phê duyệt dự án phát triển nhà ở bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước có mức vốn từ 30 tỷ đồng trở lên (không tính tiền sử dụng đất) |
| 8 | Lấy ý kiến của một số cơ quan liên quan khi thực hiện quy trình chấp thuận đầu tư dự án phát triển nhà ở bằng nguồn vốn không phải từ ngân sách nhà nước có số lượng nhà ở từ 500 căn đến dưới 2500 căn (trường hợp không phải đấu thầu lựa chọn chủ đầu tư dự án) |
| XIII | Thanh tra tỉnh |
| 1 | Lĩnh vực thanh tra |
| XIV | Sở Kế hoạch và Đầu tư |
| 1 | Lĩnh vực Liên hiệp hợp tác xã |
| 2 | Lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam |
| 3 | Lĩnh vực đấu thầu |
| 4 | Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hợp tác xã (cấp huyện) |
| XV | Sở Du lịch |
| 1 | Thủ tục thẩm định, xếp hạng lại cơ sở lưu trú du lịch: hạng đạt tiêu chuẩn kinh doanh lưu trú du lịch cho biệt thự du lịch, bãi cắm trại du lịch, nhà nghỉ du lịch |

| | |
|--------------|---|
| 2 | Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch |
| XVI | Sở Nội vụ |
| 1 | Cấp tỉnh |
| | Lĩnh vực hội và quỹ; thi đua, khen thưởng; tôn giáo; lưu trữ |
| 2 | Cấp huyện |
| | Lĩnh vực hội; tín ngưỡng, tôn giáo; thi đua, khen thưởng |
| 3 | Cấp xã |
| | Lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; thi đua, khen thưởng |
| XVII | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội |
| 1 | Cấp tỉnh |
| | Lĩnh vực người có công; bảo trợ xã hội; dạy nghề; |
| 2 | Cấp huyện |
| | Lĩnh vực người có công; bảo trợ xã hội |
| 3 | Cấp xã |
| | Lĩnh vực người có công; bảo trợ xã hội |
| XVIII | UBND huyện Khánh Vĩnh |
| 1 | Lĩnh vực giáo dục đào tạo, tư pháp áp dụng tại cấp huyện |
| 2 | Lĩnh vực văn hóa áp dụng tại cấp xã |
| XIX | UBND huyện Cam Lâm |
| 1 | Lĩnh vực giáo dục và đào tạo áp dụng tại cấp huyện |
| XX | UBND thành phố Cam Ranh |
| 1 | Lĩnh vực đất đai, kế hoạch đầu tư, giao thông vận tải, văn hóa, viễn thông internet, báo chí xuất bản, lao động, thương binh và xã hội, giáo dục và đào tạo, hộ tịch, an toàn vệ sinh thực phẩm áp dụng tại cấp huyện |
| 2 | Lĩnh vực đất đai, hộ tịch, lao động, thương binh và xã hội, văn hóa, thể thao và du lịch áp dụng tại cấp xã |

| | |
|--------------|---|
| XXI | UBND thị xã Ninh Hòa |
| 1 | Đăng ký lại khai sinh |
| 2 | Đăng ký lại kết hôn |
| 3 | Đăng ký lại khai tử |
| 4 | Đăng ký nuôi con nuôi trong nước |
| 5 | Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng trợ giúp xã hội đột xuất |
| 6 | Tham vấn báo cáo đánh giá tác động môi trường |
| 7 | Tham vấn ý kiến đề án bảo vệ môi trường chi tiết |
| 8 | Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường |
| 9 | Xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản |
| XXII | UBND huyện Vạn Ninh |
| 1 | Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài |
| 2 | Cấp giấy phép khai thác thủy sản cho tàu cá dưới 20CV |
| 3 | Cấp gia hạn giấy phép khai thác thủy sản cho tàu cá dưới 20CV |
| 4 | Cấp lại giấy phép khai thác thủy sản cho tàu cá dưới 20CV |
| 5 | Cấp đổi giấy phép khai thác thủy sản cho tàu cá dưới 20CV |
| 6 | Cấp giấy phép xây dựng tạm công trình, nhà ở riêng lẻ tại đô thị |
| 7 | Cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ tại đô thị |
| 8 | Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình, nhà ở riêng lẻ tại đô thị |
| 9 | Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm |
| | TTHC cấp xã |
| 1 | Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở |
| 2 | Đăng ký nuôi con nuôi trong nước |
| 3 | Hòa giải tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND cấp xã |
| XXIII | UBND huyện Diên Khánh |
| 1 | Thông báo chuyển chuyên nơi hoạt động tôn giáo chức sắc, nhà tu hành |
| 2 | Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài |
| 3 | Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài |
| 4 | Lĩnh vực hộ tịch, chứng thực cấp xã |
| XXIV | UBND thành phố Nha Trang |
| 1 | Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch |
| 2 | Chuyên trường đối với học sinh Tiểu học |
| 3 | Thủ tục cấp giấy phép xây dựng. |
| 4 | Thủ tục cấp giấy phép tạm thời một phần lòng đường, lề đường, hè phố: Làm bãi đỗ xe, giữ xe công cộng tạm thời phục vụ nhu cầu kinh doanh hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân; sử dụng tạm thời một phần hè phố làm nơi kinh doanh, buôn bán cho hộ gia đình và cá nhân; bố trí ki ốt tạm thời, lắp đặt tạm thời các biển hiệu, biển quảng cáo, mái che, mái che di động phục vụ nhu cầu kinh doanh, lễ hội, hoạt động du lịch, bưu chính, viễn thông. |

| XXV | UBND huyện Khánh Sơn |
|------------|--|
| 1 | Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm |
| 2 | Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm |
| 3 | Đăng ký nhận cha mẹ con |
| 4 | Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân |
| 5 | Đăng ký nuôi con nuôi |
| 6 | Đăng ký khai sinh |

KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NĂM 2017
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA
(Ban hành kèm theo Quyết định số 49 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

| STT | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện | Đơn vị thực hiện | Đơn vị phối hợp | Kết quả |
|--|---|-----------------------------|------------------------------------|---|---|
| I. Kiểm soát quy định TTHC | | | | | |
| 1 | Thực hiện nghiệm túc việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính trên cơ sở các tiêu chí về sự cần thiết, tính hợp lý, hợp pháp, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính thấp nhất (trường hợp UBND tỉnh được Luật giao quy định TTHC) | Trong năm 2017 | Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh | Sở Tư pháp | Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính đều thực hiện đánh giá tác động theo quy định. |
| 2 | Cho ý kiến góp ý; thẩm định về quy định TTHC trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật | Trong năm 2017 | Sở Tư pháp | Các sở, ban, ngành | Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính đều được Sở Tư pháp góp ý và thẩm định theo Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ. |
| II. Kiểm soát việc thực hiện TTHC | | | | | |
| 1 | Công bố TTHC | | | | |
| | Các cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh có trách nhiệm thường xuyên rà soát, cập nhật quy định | Thường xuyên trong năm 2017 | Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh | Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã | Sở Tư pháp có trách nhiệm đôn đốc, kiểm soát chất lượng dự thảo quyết định công bố thủ tục hành chính và định kỳ báo cáo UBND tỉnh về kết quả thực hiện. |

| STT | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện | Đơn vị thực hiện | Đơn vị phối hợp | Kết quả |
|-----|--|-----------------------------|---|-----------------|---|
| | mới về thủ tục hành chính do cơ quan có thẩm quyền ban hành thuộc phạm vi quản lý để tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố thủ tục ban hành ở 03 cấp tỉnh, huyện, xã | | | | |
| 2 | Công khai TTHC | Thường xuyên trong năm 2017 | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã | Sở Tư pháp | 100 % đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC phải niêm yết công khai TTHC tại trụ sở tiếp nhận, giải quyết của cơ quan, đơn vị. Nội dung và hình thức niêm yết thực hiện theo Điều 11 Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014/TT-BTP của Bộ Tư pháp |
| 3 | Hướng dẫn triển khai nghiệp vụ về công tác kiểm soát thủ tục hành chính | Trong năm 2017 | Sở Tư pháp | | Có văn bản hướng dẫn về công tác kiểm soát thủ tục hành chính cho các đơn vị, địa phương. Tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ đầu mối về kiểm soát TTHC của các sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh khi văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh kiểm soát thủ tục hành chính có thay đổi. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai, tập huấn |

| STT | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện | Đơn vị thực hiện | Đơn vị phối hợp | Kết quả |
|-----|--|---------------------|---|---|--|
| | | | | | cho các cán bộ, đơn vị trực thuộc |
| 4 | Các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện chế độ báo cáo theo Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp, Quyết định số 1654/QĐ-BTP ngày 15/9/2015 của Bộ Tư pháp và báo cáo các nội dung công việc đã được giao nhiệm vụ tại các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh về công tác KSTTHC | Trong năm 2017 | Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã | Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã | Mỗi đơn vị hoàn thành các báo cáo định kỳ (06 tháng, năm lần 1, năm chính thức) về việc thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC gửi Sở Tư pháp tổng hợp theo đúng thời hạn quy định. |

III. Kiểm tra việc thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính

| | | | | | |
|---|---|--|------------|---|--|
| 1 | Kiểm tra, hỗ trợ nghiệp vụ cho các đơn vị về công tác kiểm soát TTHC tại các sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh (Theo Thông tư số 25/2014/TT-BTP ngày 31/12/2014 hướng dẫn kiểm tra việc thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính). | Trong năm 2017, theo Kế hoạch kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất của UBND tỉnh | Sở Tư pháp | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã | Làm việc trực tiếp tại các sở, ban, ngành của tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố (trừ huyện Trường Sa), cùng với một số xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Tất cả các xã, phường, thị trấn còn lại giao cho UBND cấp huyện trực tiếp kiểm tra và báo cáo về UBND tỉnh thông qua Sở Tư pháp. Báo cáo kiểm tra khi kết thúc đợt kiểm tra. Đề xuất khen thưởng đối với các đơn vị thực hiện tốt theo quy định của Nghị định |
|---|---|--|------------|---|--|

| STT | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện | Đơn vị thực hiện | Đơn vị phối hợp | Kết quả |
|--|---|-----------------------|--|--|--|
| | | | | | <p>số 63/NĐ-CP ngày 08/6/2010 và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ.</p> <p>Đề xuất phương án xử lý đối với các đơn vị thực hiện không đúng quy định của Nghị định số 63/NĐ-CP và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP của Chính phủ.</p> |
| 2 | Tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm tra việc thực hiện công tác kiểm soát TTHC tại các sở, ban, ngành, địa phương và trình phương án giải quyết đối với những trường hợp còn tồn đọng, khó khăn trong giải quyết TTHC. | Thường xuyên | Sở Tư pháp | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã | Các báo cáo công tác |
| 3 | Cập nhật, đăng tải TTHC, các văn bản quy định về TTHC đã được công bố vào Cơ sở dữ liệu quốc gia qua Website: csdl.thutuchanhchinh.vn | Thường xuyên | Sở Tư pháp | Các sở, ban, ngành | TTHC được cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC |
| IV. Rà soát, đánh giá, đơn giản hoá TTHC để đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, hoặc bãi bỏ quy định TTHC | | | | | |
| i | Các đơn vị tiến hành rà soát TTHC theo danh mục đính kèm | Trong quý II năm 2017 | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện gửi | UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các đơn vị có liên quan | Báo cáo rà soát và đề xuất ít nhất 1 phương án đơn giản hoá TTHC gửi Sở Tư pháp đánh giá chất lượng. Việc đề xuất phương án đơn giản hoá TTHC thực hiện |

| STT | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện | Đơn vị thực hiện | Đơn vị phối hợp | Kết quả |
|-----|---|---------------------|---|---|--|
| | | | Sở Tư pháp tổng hợp | | theo Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24/02/2014 của Bộ Tư pháp |
| 2 | Trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính phát hiện quy định TTHC có bất cập, vướng mắc thì báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tư pháp) để bổ sung vào Kế hoạch rà soát, đơn giản hoá thủ tục hành chính | Trước tháng 3/2017 | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã | | Kế hoạch rà soát bổ sung gửi về Sở Tư pháp. UBND cấp xã gửi về UBND cấp huyện để tổng hợp (qua phòng Tư pháp cấp huyện) gửi Sở Tư pháp |
| 3 | Gửi kết quả rà soát đơn giản hoá TTHC cho UBND tỉnh (thông qua Sở Tư pháp tổng hợp, đánh giá chất lượng) | Trước 30/7/2017 | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện | UBND cấp huyện, UBND cấp xã | Các đơn vị gửi báo cáo về Sở Tư pháp trước 30/7/2017 |
| 5 | Tổng hợp kết quả rà soát, đánh giá | 10/9/2017 | Sở Tư pháp | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện | Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trình Ủy ban nhân dân theo quy định. |
| V | Tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính | | | | |
| 1 | Tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính theo Quyết định số 1115/QĐ-UBND | Thường xuyên | Sở Tư pháp | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã | Đảm bảo các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính được xử lý kịp thời và đúng thẩm quyền theo quy định. |

| STT | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện | Đơn vị thực hiện | Đơn vị phối hợp | Kết quả |
|--|---|---------------------|---|---|--|
| | ngày 05/5/2014 của UBND tỉnh | | | | |
| 2 | Niêm yết địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính theo Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 | Thường xuyên | Các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, UBND cấp xã | Sở Tư pháp | 100% đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC niêm yết địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính tại trụ sở cơ quan nơi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính |
| VI. Công tác truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính | | | | | |
| 1 | Tổ chức đối thoại trực tiếp giữa người dân và doanh nghiệp để giải đáp các vướng mắc, khó khăn về thủ tục hành chính trong các lĩnh vực tài nguyên và môi trường, đầu tư, thuế, xây dựng... | Trong năm 2017 | Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện | Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã | Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố phải tổ chức định kỳ 06 tháng/01 buổi đối thoại trực tiếp với cá nhân, tổ chức về thủ tục hành chính và giải quyết thủ tục hành chính. Khi tổ chức đối thoại, các đơn vị chủ trì phải mời đại diện Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp dự họp. Báo cáo kết quả buổi đối thoại gửi về UBND tỉnh thông qua Sở Tư pháp tổng hợp. |
| 2 | Tuyên truyền công tác kiểm soát thủ tục hành chính của cơ quan, đơn vị trên phương tiện thông tin để phản ánh kết quả của công tác chỉ đạo điều hành, sáng kiến cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ | Trong năm 2017 | Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện | Sở Tư pháp, Báo Khánh Hoà, Đài phát thanh, truyền hình tỉnh | |

| STT | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện | Đơn vị thực hiện | Đơn vị phối hợp | Kết quả |
|------------|--|---------------------|--------------------------------|-----------------|---|
| | thông tin trong quá trình cải cách quy trình giải quyết thủ tục hành chính tại cơ quan, đơn vị | | | | |
| VII | Công tác chỉ đạo của các đơn vị | | | | |
| 1 | Kế hoạch KSTTHC năm 2017 của các đơn vị | Trong năm 2017 | Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện | | Các đơn vị ban hành Kế hoạch KSTTHC năm 2017 trong thời gian không quá 30 ngày kể từ ngày UBND tỉnh ban hành Kế hoạch KSTTHC năm 2017 trên địa bàn tỉnh, gửi Sở Tư pháp tổng hợp. |